



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 214 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 13/06/2025
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 20B05/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/06/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 11/06/2025
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	6,65
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,43
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,035)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,01
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	14,70
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	KPH (LOQ = 3,78)
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	98
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	1,00
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	0,04
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	< LOQ = 0,55
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,78
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TƯỚNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

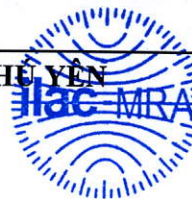
BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 215 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 13/06/2025
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu: Tuyền Xuân Bình - NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu: Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu: Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu: 21M₁05/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu: 02/06/2025
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 11/06/2025
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	6,54
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	1,51
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,11
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,18
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	11,41
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	6,85
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	96
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	0,95
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,027)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,64
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	0,03
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,51
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 216 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 13/06/2025
Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Xuân Hải - NMN Đông Bắc Sông Cầu
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 22M₂05/25
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/06/2025
6. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 11/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	6,48
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,35
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,035)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,01
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	15,21
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	87
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	0,95
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,40
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,027)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	< LOQ = 0,55
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,31
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú: *Nguyễn Tấn Tuấn*

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử